

KẾ HOẠCH
Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2026-2027

Căn cứ Nghị quyết số 71-QĐ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường mầm non, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng các trường mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, áp dụng từ năm học 2026–2027;

Căn cứ Kế hoạch số 42/KH-MNHB ngày 12 tháng 9 năm 2026 của trường mầm non Hoa Ban về Kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2026 – 2027;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-MNHB, ngày 18/9/2026 của Hiệu trưởng trường mầm non Hoa Ban về việc Ban hành Chương trình giáo dục nhà trường năm học;

Căn cứ đặc điểm, tình hình thực tế, Trường mầm non Hoa Ban xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2026 – 2027 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung:

Trường Mầm non Hoa Ban được thành lập trên cơ sở sáp nhập 06 trường mầm non: Him Lam, Hoa Mai, Sơn Ca, Hoa Ban, Thanh Minh và Họa Mi. Năm học 2026-2027, nhà trường tổ chức hoạt động tại nhiều điểm trường với quy mô 49 nhóm, lớp và 958 trẻ, trong đó có 15 nhóm trẻ, 34 lớp mẫu giáo và 07 lớp ghép. Quy mô trường lớn, địa bàn hoạt động phân tán, độ tuổi và điều kiện phát triển của trẻ không đồng đều, đặt ra yêu cầu cao trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo. Đội ngũ có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, mến trẻ, có kinh nghiệm thực tiễn và từng bước đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường trải nghiệm, ứng dụng STEM/STEAM, quy trình 5E, EDP và giáo dục kỹ năng xã hội.

Cơ sở vật chất của nhà trường gồm 49 phòng và 10 sân chơi, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy

nhiên, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và môi trường giáo dục giữa các điểm trường còn chưa đồng đều, cần được tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa chữa và khai thác hiệu quả. Trẻ trong trường có sự khác nhau về độ tuổi, thể trạng, sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, khả năng giao tiếp và kỹ năng tự phục vụ. Phụ huynh cơ bản quan tâm đến việc chăm sóc, giáo dục trẻ và phối hợp với nhà trường; tuy nhiên, mức độ phối hợp chưa đồng đều do điều kiện kinh tế, nghề nghiệp và thời gian của mỗi gia đình khác nhau.

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Nhà trường nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn; công tác giáo dục mầm non được quan tâm, tạo điều kiện thực hiện.

Việc sáp nhập 06 trường tạo điều kiện để nhà trường kế thừa truyền thống, kinh nghiệm quản lý, đội ngũ, cơ sở vật chất và kết quả giáo dục của các đơn vị tiền thân; đồng thời mở ra cơ hội thống nhất chương trình, nâng cao chất lượng hoạt động trong toàn trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, yêu nghề và có ý thức tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Nhiều giáo viên có kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; bước đầu vận dụng hiệu quả các phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức hoạt động trải nghiệm, STEM/STEAM, phát triển năng lực cảm xúc và kỹ năng xã hội cho trẻ.

Hệ thống phòng học, sân chơi và các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục cơ bản đáp ứng yêu cầu. Nhà trường có điều kiện tổ chức linh hoạt các hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm, phát triển thể chất, nghệ thuật và kỹ năng sống cho trẻ. Chương trình giáo dục nhà trường được xây dựng phù hợp với đặc điểm tình hình, độ tuổi của trẻ, điều kiện thực tế của các điểm trường và định hướng đổi mới giáo dục mầm non. Đa số trẻ có nền nếp đi học, tích cực tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi.

Đa số phụ huynh đồng thuận, quan tâm đến sức khỏe, dinh dưỡng và sự phát triển của trẻ, từng bước phối hợp với nhà trường trong việc rèn nền nếp, kỹ năng tự phục vụ và bảo đảm an toàn cho trẻ. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường có tinh thần phối hợp, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh và nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

2. Khó khăn

- Quy mô lớn, còn 04 điểm trường, công tác quản lý, thống nhất chuyên môn, kiểm tra nội bộ và điều hành đồng bộ còn nhiều áp lực. Có lớp ghép, trẻ khác độ tuổi và mức phát triển, đòi hỏi giáo viên linh hoạt khi xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động.

- Năng lực đội ngũ chưa đồng đều, nhất là kỹ năng ứng dụng CNTT, thiết kế hoạt động theo hướng phát triển năng lực và tổ chức STEM/STEAM.

- Cơ sở vật chất, thiết bị giữa các Phân hiệu, điểm trường chưa đồng đều, một số hạng mục cần bổ sung, sửa chữa; đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu trải nghiệm còn thiếu.

- Trẻ và phụ huynh đa dạng hoàn cảnh, một số trẻ em người dân tộc kỹ năng tự phục vụ, nề nếp, mạnh dạn chưa tốt; một bộ phận phụ huynh đôi khi chưa phối hợp thường xuyên.

B. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

(Mục tiêu và nội dung giáo dục theo từng độ tuổi được xây dựng trên cơ sở Chương trình giáo dục nhà trường Trường mầm non Hoa Ban, ban hành kèm theo Quyết định số 74/QĐ-MNHB, trình bày theo cấu trúc bảng của Trường mầm non Hoa Ban: Mục tiêu giáo dục/Nội dung giáo dục/Thực hiện trong chủ đề. Cột "Thực hiện trong chủ đề" do nhà trường xây dựng và bổ sung cụ thể theo Kế hoạch giáo dục chủ đề/tháng năm học 2026-2027 của từng nhóm, lớp.)

I. TRẺ NHÀ TRẺ 18 - 24 THÁNG

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong tháng
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Bắt chước một số động tác theo cô giáo cao tay đưa về phía trước sang ngang.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: tập hít thở. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Giơ cao. + Đưa phía trước. + Đưa sang ngang. + Đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, + Nghiêng người sang 2 bên. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Dạng sang 2 bên. + Ngồi xuống, đứng lên. 	9,10,11,12,1,2,3 4,5
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng ở trên sàn hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1.8m đến 2m	<ul style="list-style-type: none"> - Đi theo hướng thẳng - Đi trong đường hẹp - Đi bước qua vật cản - Tập bước lên, xuống bậc thang 	<ul style="list-style-type: none"> - 9, 1,4 - 11,3 - 4,5 - 10,4
3	Thực hiện phối hợp vận động tay mắt biết lăn bắt bóng với cô	- Ngồi lăn bóng	- 10,2
4	Phối hợp tay chân cơ thể trong trò chơi chui qua vòng, qua vật cản	<ul style="list-style-type: none"> - Bò tới đích - Trườn tới đích - Bò chui dưới dây/gậy kê cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - 9,1,5 - 11,4 - 12,3

5	Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném đá bóng ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1.2 mét đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1.5 mét.	<ul style="list-style-type: none"> - Đứng ném bóng - Đứng tung bóng 	<ul style="list-style-type: none"> - 12,3,5 - 1,4,5
6	Nhặt được các vật nhỏ bằng hai tay	<ul style="list-style-type: none"> - Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Đóng, mở nắp có ren 	9,10,11,12,1,2,3 4,5
7	Tháo lắp lồng được 3,4 hộp tròn, xếp chồng được 2, 3 khối trụ.	<ul style="list-style-type: none"> - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông - Xếp chồng được 4,5 khối - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay. 	9,10,11,12,1,2,3 4,5
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát các loại thức ăn khác nhau.	- 9, 10,11, 12
9	Trẻ có thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa	- 9,10, 11,12
10	Biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập một số thói quen vệ sinh tốt: Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh - Gọi cô khi bị ướt, bẩn. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. 	9,10,11,12,1,2,3 4,5
11	Làm được một số việc dưới sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước)	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt. 	- 9,10,11,12
12	Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (Phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
13	Biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn ghế..) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	9,10,11,12,1,2,3 4,5

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
14	Trẻ biết sờ, nắn, nghe để nhận biết được đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Sờ, nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của 1 số loại hoa quả quen thuộc gần gũi - Nếm vị của 1 số loại quả thức ăn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 9,10,11,12,1,2,3 4,5 - 4,5,12,1 - 4,5,12,1
15	Trẻ biết bắt chước một số hành động đơn giản của những người thân	- Hình ảnh của bản thân trong gương	-9, 4
16	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi chưa được hỏi	<ul style="list-style-type: none"> - Tên của bản thân - Tên của 1 số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp 	9,3,4.
17	Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	- 4
18	Trẻ chỉ/lấy/nói tên đồ dùng đồ chơi, hoa quả con vật quen thuộc theo yêu cầu của ng lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ chơi đồ dùng của bản thân - Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi quen thuộc . - Tên của phương tiện giao thông gần gũi . 	<ul style="list-style-type: none"> -9, 3, 4 -9, 3, 4 - 5
19	Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu xanh hoặc đỏ theo yêu cầu hoặc gợi ý của ng lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, xanh - Kích thước to – nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - 12, 1,4 - 3,4
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a) Nghe			
20	Thực hiện được các yêu cầu đơn giản, đi đến đây, đi rửa tay.	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
21	Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “không được lấy”; “không được sờ”	- Nghe các câu: “ở đâu”; “con gì”; “thế nào” (“gà gáy thế nào”, “cái gì”; “làm gì”)	9,10,11,12,1,2,3 4,5
22	Trẻ lắng nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
b) Nói			

23	Trả lời được câu hỏi đơn giản, ai đây? Con gì đây? Cái gì đây?	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì”; “cái gì”; “làm gì”.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
24	Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn con vịt bơi, bé đi chơi...	- Phát âm các âm khác nhau.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
25	Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
26	Trẻ nói được câu đơn 2,3 tiếng: “Con đi chơi; bóng đá, mẹ đi làm...”	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi	- 9,10,11
27	Chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân (Cháu uống nước, cháu muốn...)	- Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
c) Làm quen với sách:			
28	Trẻ biết lắng nghe người lớn đọc sách, biết mở trang sách, xem tranh.	- Mở sách xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
29	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Tên gọi, hình ảnh bản thân.	- 9,3,4
30	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói với người gần gũi	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
31	Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL: Trẻ biết biểu lộ các trạng thái cảm xúc , vui , buồn , sợ hãi của mình với người xung quanh	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	- 9, 10,11,5
32	Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL: Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát 1 số con vật.	- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Quan tâm đến các con vật nuôi.	- 10, 3,4 - 11.

33	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở	- Tập thực hiện 1 số hành vi giao tiếp như: Chào, tạm biệt, cảm ơn.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
34	Trẻ biết bắt chước 1 vài hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)	- Tập thực hiện 1 số hành vi: Bế em, cho em ăn.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
35	Trẻ biết làm quen 1 số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Trẻ tập theo người lớn 1 số hành động đơn giản.	9,10,11,12,1,2,3 4,5
36	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...)	- Nghe hát, nghe nhạc nghe âm thanh của các dụng cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc ;	9,10,11,12,1,2,3 4,5
37	Trẻ thích vẽ, xem tranh;	- Tập cầm bút vẽ, xem tranh.	9,10,11,12,1,2,3 4,5

II. TRẺ NHÀ TRẺ 25 - 36 THÁNG

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Tay giơ lên cao. + Tay đưa ra phía trước. + Tay đưa sang ngang. + Tay đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước. + Nghiêng người sang 2 bên. + Vặn người sang 2 bên. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Ngồi xuống, đứng lên. + Co duỗi từng chân. 	1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo	<ul style="list-style-type: none"> - Đi theo hướng thẳng (ôn bài của 18-24 tháng tuổi) - Đi theo hiệu lệnh 	

	cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co 1 chân 	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn, tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1->1,2m.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung-bắt bóng cùng cô - Ném bóng vào đích (xa 1->1,2m) 	2,3,4,6,7,9,10
4	Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m).	<ul style="list-style-type: none"> - Ném bóng về phía trước 	1,2,5,8
5	Trẻ biết nhún, bật bằng hai chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ 	1,2,3,5,6,7,8,9,10
6	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò qua vật cản - Trườn qua vật cản 	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
7	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách 	1,2,3,4,5,6,7
8	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. - Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện hoạt động giáo dục.	<ul style="list-style-type: none"> - Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón, nhặt đồ vật - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích (theo quy trình EDP). 	1,2, 3,4,5,6,7,8,10
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	Cân nặng của trẻ: Trẻ trai: 11,3 – 18,3 kg; trẻ gái: 10,8 – 18,1Kg.	<ul style="list-style-type: none"> 1. Tập luyện nền nếp, thói quen tốt - Cân trẻ 3 lần/năm. 	-7

	Chiều cao của trẻ: Trẻ trai: 88,7 – 103,5 cm; trẻ gái: 87,4 – 102,7 cm.	- Trẻ suy dinh dưỡng cân hàng tháng.	
10	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống; Ăn chín, uống sôi; - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn.	- 1,2,3,4,7,9
11	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
12	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh	1,2,3,8,9,10
13	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt - Tự phục vụ: xúc cơm, uống nước, mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
14	Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Tự phục vụ: mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt; chuẩn bị chỗ ngủ	- 5,9,10
15	Trẻ có khả năng biết tránh một số vận dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào gần hoặc đến gần.	- 1,2,3,4,6
16	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Một số hành động gây nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- 3,4,9,10

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan:

17	<p>Trẻ thực hiện được sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ chơi, đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt – mặn – chua). 	1,2,3,4,5,6,8
b) Nhận biết:			
18	<p>Trẻ có thể biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân, gia đình và của nhóm/lớp. 	- 4,7
19	<p>Trẻ có khả năng nói được tên của bản thân và tên, công việc của những người gần gũi khi được hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. Công việc của cô giáo và các hoạt động trong lớp. - Tên của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên, công việc của cô giáo, các cô, các bác trong trường mầm non. - Tên, công việc của bác cấp dưỡng như mua thực phẩm, chế biến món ăn, nấu ăn, chia ăn... 	- 1,3,7
20	<p>Trẻ có thể nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. 	- 1
21	<p>Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.</p> <p>- Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện một số hoạt động giáo dục.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số đồ dùng, đồ chơi bé yêu thích (theo quy trình 5E) 	- 2,4,5,6,8

		<ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi (theo quy trình 5E) - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật như “con gà, con vịt”, “con mèo”, các loại cá..., rau, hoa, quả quen thuộc. 	
22	Trẻ thực hiện được: chỉ, nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh	- 2,3,4
23	Trẻ biết nhận biết vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.	- Vị trí trong không gian (trên – dưới, trước sau) so với bản thân trẻ.	- 6,9
24	Trẻ có thể chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước (to – nhỏ)	- 7
25	Trẻ nhận biết được hình tròn, hình vuông, số lượng (một – nhiều)	<ul style="list-style-type: none"> - Hình tròn, hình vuông - Số lượng (một – nhiều) 	- 10
26	Trẻ nhận biết được các hiện tượng nắng, mưa, biết được thời tiết nóng, lạnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh. - Cách chuẩn bị quần áo phù hợp với thời tiết. 	- 9

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a) Nghe:

27	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	- 4,5
28	Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?”	- Nghe và trả lời được các câu hỏi như: “Cái gì?”; “làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”.	1,2,4,5,7,8,9,10
29	Trẻ hiểu nội dung bài thơ, câu truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn như đồng dao “Dung dăng dung dẻ”, “Kéo cưa lừa xẻ”; Thơ “Câu trăng rằm”, “Yêu mẹ”; “Mèo con đi học”...	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

b) Nói:

30	Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi của các đồ dùng, đồ chơi, đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	- 3,4,5
31	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	1,2,3,7,8,10
32	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao, kể chuyện với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 – 4 tiếng như bài thơ “Hoa nở”; “Con cá vàng” ... - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý như KTTT “Bé đi chơi thuyền”...	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
33	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.	- 7,8,9,10
34	Trẻ sử dụng được lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây”; “Cái gì đây?”...	- Trẻ biết sử dụng lời nói lễ phép khi chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
c) Làm quen với sách:			
35	Trẻ biết lắng nghe người lớn đọc sách, biết cách cầm sách đúng chiều và giở từng trang và biết "đọc vẹt" theo tranh minh họa.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
a) Phát triển tình cảm:			
36	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	- 1
37	Trẻ thể hiện được điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	- 4,7,9

38	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
39	Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	8
40	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	8

b) Phát triển kỹ năng xã hội

41	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi. Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL	- Quan tâm đến các vật nuôi.	- 5
42	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “Vâng ạ”.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
43	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột, cho em ăn, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
44	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cấu bạn.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
45	Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
46	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, nghe đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, nghe đọc thơ về Bác Hồ. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	10
47	Trẻ biết được Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi.	- Kính yêu Bác Hồ.	10

c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ:			
48	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc như bài “Bóng tròn to”; “búp bê”; “đi nhà trẻ”... - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ như bài “Lý cây bông”; “Cho tôi đi làm mưa với”... 	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
49	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xâu vòng, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). - Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL - Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện một số hoạt động giáo dục.	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình như “Tô màu những con vật nuôi trong gia đình”; “Xếp đường đi”; “làm quen với đất nặn”; - Trẻ thể hiện được trạng thái của bức tranh theo cách trẻ nghĩ. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích (theo quy trình EDP). - Xem tranh. 	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10

III. TRẺ MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang. + Ngồi xổm, đứng lên. + Bật tại chỗ 	1,2,3,4,5,6,7,8 9

		+ Co đuôi chân.	
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi Đi hết đoạn đường hẹp (3 m x 0,2m); đi kiễng gót liên tục 3m.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi kiễng gót - Đi trong đường hẹp 	- 1,3
3	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh; Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh 	- 2,3,4,5,6,9
4	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m); tự đập - Bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. - Tập đập, bắt bóng với cô. - Lăn bóng với người đối diện (khoảng cách 2,5m) - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. 	2,3,5,6,7
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp, và VĐ bò, trườn, bước lên xuống bậc cao: Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng; Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m); bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m) - Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc. - Bò chui qua cổng. - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) - Trườn về phía trước. - Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm) - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. 	- 1,2,3,4,5,6,7
6	Trẻ biết giữ thăng bằng của cơ thể khi thực hiện các động tác bật, nhảy:	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ. - Bật xa 20 - 25 cm - Bật tiến về phía trước từ 3- 5 ô 	- 2, 3,4, ,7
7	Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay - ngón tay, phối hợp tay- mắt:	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được các vận động: Xoay tròn cổ tay; Gập, đan ngón tay vào nhau. - Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện hoạt động giáo dục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Tạo ra các sản phẩm lắp ghép đơn giản theo ý thích (theo quy trình EDP). 	- 1,2,4,5,9
8	<p>Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ được hình tròn theo mẫu; cắt thẳng được một đoạn 10cm; xếp chồng 8 – 10 khối không đồ; tự cài, cởi cúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện hoạt động giáo dục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc. - Tạo ra các sản phẩm tự thiết kế theo ý thích (theo quy trình EDP). 	- 1,3,7,8
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	<p>Cân nặng: Bé trai 12,7 - 21,2 kg; bé gái 12,3-21,5 kg. Chiều cao: Bé trai 94,9-111,7 cm; bé gái 94,1-111,3 cm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cân trẻ 3 lần/năm. - Trẻ suy dinh dưỡng cân hàng tháng - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. 	4,6
10	<p>Trẻ nhận biết được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số thực phẩm, món ăn quen thuộc. 	2,3
11	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: Trứng dán, cá kho, canh rau... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. 	- 1,2
12	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 	- 2

13	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, lau mặt, súc miệng. Tháo tất, cởi quần, áo...	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc miệng, Tháo tất, cởi quần, áo... - Tập rửa tay bằng xà phòng. 	- 3,4,5
14	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. 	- 1
15	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. 	- 6,7,8,9
16	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Chấp nhận vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi trời lạnh. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. 	- 2,3,8
17	Trẻ nhận ra và phòng tránh một số vật dụng nguy hiểm: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. 	- 6
18	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi... khi được nhắc nhở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ 	- 4
19	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: 	<ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp. 	- 4,5

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

20	<p>Trẻ biết tên gọi, nhận ra được một vài đặc điểm các bộ phận trên cơ thể người.</p> <p>- Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện một số hoạt động giáo dục.</p>	<p>- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>- Khám phá giác quan và một số bộ phận của cơ thể (Theo quy trình 5E)</p>	- 2
21	<p>Trẻ biết được tên gọi, đặc điểm của đồ dùng, đồ chơi.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Trò chuyện về trường, lớp, cô giáo, tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp</p>	- 1
22	<p>Trẻ nhận biết được tên gọi, phân biệt được nơi hoạt động của một số phương tiện giao thông.</p>	<p>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p>	- 7
23	<p>Trẻ làm quen và nhận ra được một số tín hiệu giao thông đơn giản, biết được một số quy định giao thông phổ biến và chấp hành đúng luật lệ giao thông.</p>	<p>- Tín hiệu đèn xanh, đỏ, vàng, đi bộ trên vỉa hè, đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.</p>	- 7
24	<p>Trẻ bước đầu biết phối hợp các giác quan để quan sát, khám phá về động vật, thực vật.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</p>	- 5, 6
25	<p>Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>	<p>- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p> <p>- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.</p>	- 2,5,6
	<p>Trẻ thích tìm hiểu, khám phá về nước: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người</p>	<p>- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.</p>	

26	lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. - Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện một số hoạt động giáo dục.	- Làm thí nghiệm về một số chất tan và không tan trong nước (Theo quy trình 5E) - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	- 8
27	Trẻ nhận biết được các hiện tượng nắng, mưa.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	- 8
28	Trẻ biết được ngày, đêm theo các dấu hiệu.	- Mặt trời chỉ mọc vào ban ngày, mặt trăng có vào ban đêm, ngày rằm trăng sáng...	- 8
29	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi các góc, nhóm: Âm nhạc, tạo hình. Chơi đóng vai gia đình, bác sỹ...	-1,2,3,4,5,6, 7,8,9
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
30	Trẻ nhận biết số đếm, số lượng, Quan tâm đến số lượng và đếm như hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	- 6
31	Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- 6
32	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3,4,5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - 1 và nhiều	- 2,4,5,6,7
33	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng 3,4,5 và đếm	- 4,6,9

34	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng 3,4,5 thành các nhóm nhỏ hơn.	- 4,5,6,9
35	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ. - Nhận biết qui tắc sắp xếp đơn giản	-5,7
36	Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	- 1,7,9
37	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh hai đối tượng về kích thước (Cao hơn – thấp hơn; Bằng nhau - dài hơn – ngắn hơn)	- 2,3,8,9
38	Trẻ biết nhận dạng, gọi tên các hình: Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	- 1,3,4,9
39	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước – phía sau, tay phải – tay trái của bản thân.	- 3,8
c) Khám phá xã hội			
40	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - KNXH: Bé biết mặc quần áo phù hợp với thời tiết	- 2
41	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện một số hoạt động giáo dục.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. - Cùng khám phá về gia đình bé (theo quy trình 5E)	- 3

42	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên công việc của cô giáo. - Tên trường/lớp, cô giáo, tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trường.	- 1
43	Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Gọi tên sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	- 4
44	Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh: Kể tên một số lễ hội ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. - Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện một số hoạt động giáo dục.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. - Trò chuyện về ngày hội 8/3 (theo quy trình 5E)	- 1,6,9
45	Trẻ biết đếm từ 1-3 ở các chủ đề, Nhắc lại, gọi được tên một số đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi, màu sắc bằng tiếng anh.	- Đếm từ 1-3 ở các chủ đề, Nhắc lại, gọi được tên một số đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi, màu sắc bằng tiếng anh.	- 1,2,3,4, 5,6,7,8,9

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

46	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. Ví dụ: “Các con hãy cất đồ chơi vào góc nhé”.	- 1,2
47	Trẻ hiểu từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi quen thuộc.	- 1,2
48	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- 1,2,3,4,5,6,

	- Biết lắng nghe tiếng Anh.	<p>VD: Giấc mơ kỳ lạ; đôi bạn tốt Nhỏ củ cải; Cô bé quàng khăn đỏ...</p> <p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p> <p>VD: Nu na nu nống, Tay đẹp; Đi cầu đi quán; Bầu ơi thương lấy bí cùng... Cây ngô; chiếc đèn ông sao; Tâm sự của cái mũi;</p> <p>- Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 35 từ, cụm từ; Nghe số từ 1 đến 3; Nghe và làm theo yêu cầu đơn lẻ rất đơn giản, quen thuộc; Nghe bài vắn, bài thơ, bài hát rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; Nghe nội dung truyện tranh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.</p>	<p>7,8,9</p> <p>- 3,4,5,6,7,8,9</p>
--	-----------------------------	---	-------------------------------------

b) Nói:

49	<p>- Trẻ biết nói rõ các tiếng.</p> <p>- Biết sử dụng tiếng Anh để nói khi cô giáo yêu cầu.</p>	<p>- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.</p> <p>- Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 35 từ, cụm từ; Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ trong phạm vi từ vựng được làm quen; Phản hồi bằng cử chỉ và trả lời bằng 1-2 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên; Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc.</p>	- 4,5,6,7,8,9
----	---	--	---------------

50	Trẻ biết sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	- 7
51	Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?".	- 5
52	Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	- 3
53	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè. VD: Bố đi cấy, Con trâu Làm nghề như bố, , Ong và bướm...	- 1,2,3,4,5,6, 7,8,9
54	Trẻ biết kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. VD: Giấc mơ kỳ lạ, Cô bé quàng khăn đỏ; Món quà của cô giáo....	1,2,3,4,5,6,7,8,9
55	Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên. VD: Giấc mơ kỳ lạ ; Giọt nước tí xíu, nhím con kết bạn...	-7,8,9
56	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ"; "Dạ"; "Thưa"... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- 1
57	Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc.	-3
c) Làm quen với việc đọc, viết:			
58	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - Giữ gìn sách. - Làm quen với hướng và chiều của chữ viết tiếng Anh	- 3,4,5

59	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...).	- 1,7
60	Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc viết tiếng Việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	- 9
61	Biết lắng nghe và sử dụng tiếng Anh để nói khi cô giáo yêu cầu.	- Làm quen với đọc: Làm quen với tranh ảnh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, và hành động rất đơn giản và quen thuộc; Làm quen với truyện tranh, cầm sách đúng chiều, mở sách và xem tranh. - Làm quen với viết: Làm quen với hướng và chiều của chữ viết tiếng Anh.	- 2,3,4,5,6,7,8,9

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

62	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Biết coi trọng bản thân, đồng cảm với mọi người xung quanh - Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL	- Tên, tuổi, giới tính. - Giữ gìn cơ thể. - Đồng cảm với mọi người xung quanh.	- 2
63	Trẻ biết nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	- 7,8
64	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- 3,4,5,6
65	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).	- Thực hiện công việc đơn giản được giao.	- 3,4,6,8
66	Trẻ nhận ra được cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	

	- Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL		- 2,6,7
67	Thực hiện được các năng lực cảm xúc xã hội trong SEL: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc Vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	- 2,6,8
68	Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi	- Kính yêu Bác Hồ. - Bác Hồ kính yêu (theo quy trình 5E)	- 9
69	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh, nhận ra hình ảnh về Bác Hồ.	- 9
70	Trẻ biết quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm, yêu thích cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- 9
71	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. - Khiêm tốn, giản dị, trung thực, trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Trẻ biết lịch sự giờ đi ngủ - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	- 1,3,4
72	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở. - Biết lắng nghe và sử dụng tiếng Anh để nói khi cô giáo yêu cầu.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi ”đúng”, ”sai”, ”tốt”, ”sấu”. - Trẻ biết nói các từ bằng tiếng anh đơn giản như : ”Sorry” ”Thankyou”....	-1,2,3,4,5,6,7,8,9
73	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt.	- 4,5
74	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn.	- 6,7,8
75	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối.	- 5,6
76	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường.	- 1,2

		- Bỏ rác đúng nơi quy định.	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
77	Trẻ biết thể hiện vui sướng, vỗ tay, nói nên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- 5,6,7,8,9
78	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe, đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. VD: Cháu đi mẫu giáo, Đêm trung thu, làm bác sỹ, làm nghề như bố. - Thích nghe, đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ. VD: Tay đẹp, dung dăng dung dẻ, rỗng rần lên mây. tập tầm vông - Thích nghe kể câu chuyện. VD: Món quà đặc biệt; thỏ con thông minh...	- 1,2,4,7,8,9
79	Trẻ vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- 5,6,7,8,9
80	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- 2,4,5,6,7,8,9
81	Trẻ biết vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. VD: Cháu đi mẫu giáo, Hoa trường em, Đêm trung thu....chicken dance Dân vũ rửa tay.....	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9

82	Trẻ biết sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện một số hoạt động giáo dục.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. Ví dụ “Làm đèn lồng” (Theo quy trình EDP)	- 1,2,4,5,6,7,8,9
83	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. VD: Tô màu khuôn mặt bạn trai bạn gái, vẽ cỏ sân trường, vẽ quà tặng bạn... -Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích (theo quy trình EDP).	- 1,3,4,5,6,7,8,9
84	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. VD: Xé dán về mưa, xé dán hình chiếc bánh....	- 2,3,8
85	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm. VD: Chơi với đất và chia đất làm nhiều phần, Nặn các loại quả có dạng tròn; Nặn các loại củ, quả có dạng dài...	- 3
86	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. - Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện một số hoạt động giáo dục.	-Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. Ví dụ Lắp ghép mô hình nhà cao tầng(Theo quy trình FDP)	- 3
87	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- 1,2,3,4,5,6,7,8,9

88	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. VD: Cháu đi mẫu giáo, Đêm trung Thu, Hây xoay nào, Làm chú bộ đội...	- 1,2,3,4,5,6, 7,8,9
89	Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/steam trong thực hiện một số hoạt động giáo dục.	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Ví dụ “Thiết kế thiệp tặng bà, tặng mẹ, tặng cô” (Theo quy trình EDP); Thiết kế quà tặng bạn (Theo quy trình EDP)	- 4, 6
90	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- 3,4,5,6, 7,8,9
91	Trẻ biết hát một số bài hát đơn giản bằng tiếng anh	- Trẻ biết hát theo một số bài hát rất đơn giản quen thuộc bằng tiếng anh	- 2,3,4,5,6,7,8,9

IV. TRẺ MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện được đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay người sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân:	- 1, 2,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

		<ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. 	
2	<p>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. 	- 1, 2, 3,4,8
3	<p>Trẻ biết kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Đi chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. 	- 3,4, 6, 7,9
4	<p>Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m). - Tự đập - bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập bắt bóng tại chỗ 4 - 5 lần liên tiếp. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m). 	2,4,5, 6,7,8,9
5	<p>Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. Ném trúng đích ngang (xa 2m). Bò trong đường đích dắc (3 – 4 điểm, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Chạy chậm 60 -80m - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng hai tay. - Ném trúng đích ngang (xa 2m). - Bò trong đường đích dắc qua 3 - 5 điểm. 	- 3, 4,5, 6, 7, 8, 9
6	<p>Trẻ biết vận động nhanh nhẹn, khéo léo trong các bài tập bò theo đường đích dắc, trườn, trèo, giữ thăng bằng của cơ thể khi thực hiện các động tác bật, nhảy.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3-4m. - Bò chui qua cổng. - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6 m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. 	- 1,2, 3, 4,5,6, 7,8,9

		<ul style="list-style-type: none"> - Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40 cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách khếp chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 – 15cm. - Nhảy lò cò 3m. 	
7	Trẻ thực hiện được các vận động: Cuộn - xoay tròn cổ tay; Gập mở các ngón tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoắn, xoáy, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nới... - Gập giấy. 	- 5, 6, 9
8	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Vẽ hình người, nhà, cây; cắt thành thạo theo đường thẳng; xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối; biết tết sợi dôi; tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích (theo quy trình EDP). 	- 3, 5, 6, 7
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	Cân nặng của trẻ Trẻ trai: 14,1 - 24,2kg; trẻ gái: 13,7 - 24,9kg. Chiều cao của trẻ Trẻ trai: 100,7 - 119,2cm; trẻ gái: 99,9 - 118,9cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Cân trẻ 3 lần/năm. - Trẻ suy dinh dưỡng cân hàng tháng 	- 6
10	Trẻ nhận biết được một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá...có nhiều chất đạm; rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).	- 2, 5, 6
11	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. 	- 4, 5, 6

12	Trẻ biết ăn để cao lớn khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	- 2,5
13	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng; tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- 2
14	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn, gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- 1, 4
15	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ; chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...không uống nước lã.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	- 1, 3,5
16	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của việc mặc trang phục hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định	- 9
17	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.	- Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.	- 2
18	Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể	- Nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa	- 1, 8

	chứa nước,...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	nước,...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. VD: Dạy trẻ không chơi ở những nơi có nước khi không có người lớn	
19	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt...Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ...không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.. Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Dạy trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở. (Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt...Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ...không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn...).	- 1
20	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.	- 8
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
21	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những từ thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”: “Vì sao lá cây út”	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số đặc điểm và tính chất của nước.	- 8

		<p>VD: + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</p> <p>+ Dạy trẻ kỹ năng bảo vệ môi trường, phân loại rác thải, (theo quy trình 5E)</p>	
22	<p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi. Ích lợi và tác hại đối với con người</p> <p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với MT sống</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ cây</p> <p>VD: + Quan sát, thảo luận đặc điểm bên ngoài của một số con vật nuôi (Gia cầm, gia súc).</p> <p>+ Quan sát, nhận xét một số vật nuôi trong rừng.</p> <p>+ Quan sát thảo luận một số loại cá.</p> <p>+ Tìm hiểu một số động vật nhóm: Côn trùng chim.</p> <p>+ Quan sát, so sánh 2 loại cây (MQH đơn giản giữ cây xanh và MT sống) (theo quy trình 5E)</p>	- 5,6
23	<p>Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.</p> <p>VD: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	<p>- Quan sát, phán đoán sự bốc hơi của nước</p> <p>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước (theo quy trình 5E)</p>	- 8
24	<p>Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện</p>	<p>- Xem tranh ảnh sự khác nhau giữa ngày và đêm</p> <p>- Thay đổi thời tiết theo mùa</p>	- 8
25	<p>Trẻ biết phân loại đối tượng theo một hoặc 2 dấu hiệu</p>	<p>- Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.</p> <p>- Đặc điểm công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.</p>	- 2,3, 4, 5,6, 7,8

		<p>VD: + Tìm hiểu và phân loại 1 số thực phẩm theo nhóm.</p> <p>+ Phân loại đồ dùng, sản phẩm theo nghề.</p> <p>+ Trò chuyện một số loại cây cho quả.</p> <p>+ Làm quen với một số PTGT theo 2 - 3 dấu hiệu (theo quy trình 5E)</p>	
26	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi. VD: Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn.	<p>- Làm thử nghiệm và sử dụng để quan sát so sánh dự đoán</p> <p>Ví dụ: Pha màu, đường, muối dự đoán quan sát...</p>	- 9
27	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn	- Dạy trẻ làm thử nghiệm và sử dụng để quan sát so sánh dự đoán.	- 8
28	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	<p>- So sánh sự giống và khác nhau giữa 2 nhóm đồ vật, con vật, cây hoa, quả.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.</p> <p>VD: + Tìm hiểu một số loại hoa (Tên gọi đặc điểm, ích lợi, cách chăm sóc và bảo vệ).</p> <p>+ Nhận biết một số đặc điểm, ích lợi, so sánh giống và khác nhau của 1 số loại rau.</p> <p>+ Trò chuyện về một số loài chim.</p>	- 5, 6
29	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện hiện nét mặt và một số hiểu biết của bản thân về đối tượng qua hoạt động nhóm chơi: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sỹ xây dựng,...	- 4, 7
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
30	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các	- Dạy trẻ nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	- 1, 2, 3

	vật ở xung quanh, hỏi: “bao nhiêu?”; “là số mấy?”	VD: + Đếm nhận biết số lượng trong phạm vi 1, 2. NB chữ số 1,2. + Đếm nhận biết số lượng trong phạm vi 3. NB chữ số 3. + Đếm nhận biết số lượng trong phạm vi 4. NB chữ số 4. + Đếm nhận biết số lượng trong phạm vi 5. NB chữ số 5.	
31	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- 5, 6, 9
32	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh hai đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được từ bằng nhau, nhiều hơn ít hơn. VD: + So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong PV 6; 7; 8; 9; 10 bằng các cách khác nhau và nói nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 4, 5, 6, 7, 9
33	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5. Đếm và nói kết quả	- Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả VD: Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả	- 3,4
34	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. VD: Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn	- 4
35	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Biết sử dụng các số 1-5 để chỉ số lượng theo thứ tự	- 1,2,3,4
36	Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...). VD: Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...).	- 5,9
37	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	- 6, 8

		<p>VD: + Nhận ra quy tắc sắp xếp của 2 đối tượng và sao chép lại.</p> <p>+ Nhận ra quy tắc sắp xếp của 3 đối tượng và sao chép lại.</p> <p>+ So sánh sự khác biệt về chiều cao của 3 đối tượng</p>	
38	Trẻ biết xếp tương ứng và ghép đôi	<p>- Xếp tương ứng 1-1 và ghép đôi.</p> <p>VD: Xếp tương ứng 1 - 1 và ghép đôi.</p>	- 7
39	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	<p>- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.</p> <p>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.</p> <p>VD: + Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.</p> <p>+ Đo dung tích bằng một đơn vị đo.</p>	- 5
40	Trẻ biết chia ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...).	<p>- So sánh sự giống và khác nhau của các hình bằng cách chia các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình tròn vuông, tam giác, chữ nhật.</p> <p>VD: Phân biệt hình tròn, hình vuông, tam giác, chữ nhật.</p>	- 4
41	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	<p>- Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</p> <p>VD: Chắp ghép các hình học để tạo ra các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</p>	- 4
42	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	<p>- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (phía trước- phía sau- phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái).</p> <p>VD: + Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (phía trước- phía sau- phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái).</p>	- 1, 2

		+ Xác định các hướng: Phía trên, dưới, trước, sau của ĐT có sự định hướng. + Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (phía phải- phía trái).	
43	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Mô tả sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày: Sáng, trưa, chiều, tối. VD: NB các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	- 6, 8
c) Khám phá xã hội			
44	Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. VD: + Giới thiệu về bản thân (tên, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích). + Tìm hiểu về chức năng các giác quan và một số bộ phận khác trên cơ thể.	- 1, 2
45	Trẻ biết nói họ tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh về gia đình.	- Họ tên công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. VD: Kể về gia đình của bé cho các bạn cùng nghe.	- 3
46	Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện.	- Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ của gia đình.	- 3
47	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. VD: Trò chuyện về trường lớp mẫu giáo của bé	- 1
48	Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và một số công việc của cô giáo và các cô bác trong trường...	- 1
49	Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp. Các hoạt động của trẻ ở trường.	- 1

50	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. VD: + Trò chuyện về các nghề phổ biến quen thuộc (Giáo viên, nghề y, công an,...). + Tìm hiểu về các nghề dịch vụ(Bán hàng, cắt tóc,...).	- 4
51	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa quê hương, đất nước (theo quy trình 5E) VD: + Khám phá về ngày tết trung Thu(5E).....	- 3, 6, 9
52	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh di tích lịch sử ở địa phương. VD: TC về các danh lam, thắng cảnh, các di tích lịch của quê hương Điện Biên	- 9
53	Trẻ nhận biết và kể tên được bằng tiếng Anh: Màu sắc, các bộ phận cơ thể, đồ chơi, thức ăn, của các con vật, hoa, quả, biết đếm từ 1-5 ở các chủ đề.	- Nhận biết và kể tên bằng tiếng Anh: Màu sắc, các bộ phận cơ thể, đồ chơi, thức ăn, của các con vật, hoa, quả, từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản biết đếm từ 1-5 ở các chủ đề quen thuộc với lứa tuổi.	- 2,3,4, 5,6,7,8
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a) Nghe hiểu lời nói			
54	Trẻ biết thực hiện được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp VD: Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Thực hiện được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp của cô	- 2
55	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Rau, Quả, đồ gỗ, đồ chơi, con vật, ...	- Trẻ nghe, hiểu được các từ khái quát chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.	- 1, 5, 6

56	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. VD: Cậu bé mũi dài; sẻ con đáng yêu; cháu ngoan của bà; ai ngoan sẽ được thưởng,... - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. VD: Chào hỏi khi về; chúng tôi thích ăn rau; ru con; ba ngọn nến...thỏ bông bị ốm; đi cầu đi quán, hoa cúc vàng... 	- 1,2,3, 4,5,6 7,8,9
b) Trẻ biết sử dụng lời nói trong sinh hoạt hàng ngày			
57	Trẻ biết nói rõ để người nghe hiểu được.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. 	- 4, 6,7
58	Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi:"Ai?; Cái gì?; Ở đâu?; Khi nào?; Để làm gì?"	- 3
59	Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	- 3
60	Trẻ kể lại được sự việc theo trình tự.	- Kể lại trình tự sự việc theo hiểu biết và khả năng ghi nhớ của bản thân trẻ.	- 4, 8
61	Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thơ, ca dao, tục ngữ, hò,vè. VD: Nghe lời cô giáo; lời chào; bà cùng đi chợ trời mưa, Chim chích bông; anh em như thể tay chân... 	- 1,2,3, 4, 5, 6,7 8, 9
62	Trẻ kể lại được truyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- 3,5
63	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. Kể chuyện có mở đầu có kết thúc.	- 1,2,3, 5,6,7,8, 9

		- Đóng kịch VD: Cháu ngoan của bà; Ba chú lợn con; Cá ngủ ở đâu; Con hãy đợi rồi sẽ biết,...	
64	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng những từ biểu thị sự lễ phép.	- 1,6
65	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói rõ ràng đủ nghe, không nói lí nhí.	- 5,7
c) Làm quen với việc đọc - viết			
66	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem, nghe, các loại sách khác nhau	- 4,9
67	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Đọc truyện qua tranh vẽ.	- 4,5
68	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa (đọc vẹt).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn, bảo vệ sách.	8, 9
69	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra vào, biển báo giao thông đường cho người đi bộ...) Tên, đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng, đồ chơi; của một số phương tiện giao thông (theo quy trình 5E)	- 1, 2, 7
70	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	- 6, 7, 9
	Biết lắng nghe và sử dụng tiếng Anh để nói khi cô giáo yêu cầu. Biết tập tô màu một số nét chữ cái tiếng Anh.	- Nghe: Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc. Nghe và làm theo 2 yêu cầu đơn	- 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

71		<p>giản, quen thuộc. Nghe nội dung truyện tranh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.</p> <p>- Nói: Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc. Trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản.</p> <p>- Làm quen với đọc: Làm quen với 1-3 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường; Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen; Xem truyện tranh và kể lại một số tình tiết của truyện theo tranh.</p> <p>- Làm quen với viết: Tập tô màu một số nét chữ cái tiếng Anh.</p>	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
72	<p>Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.</p> <p>- Biết coi trọng bản thân</p>	<p>- Giữ gìn cơ thể.</p> <p>- Trẻ nói tên, tuổi, giới tính của bản thân và tên Bố mẹ anh, chị, em.</p>	- 2, 3
73	<p>Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.</p> <p>- Thực hiện được năng lực cảm xúc xã hội trong SEL.</p>	<p>- Sở thích, khả năng của bản thân.</p> <p>- Nhận nhận bản thân tích cực.</p>	- 2, 7
74	<p>Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.</p>	<p>- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.</p>	- 2, 8
75	<p>Trẻ có ý thức cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).</p> <p>- Thực hiện được năng lực cảm xúc xã hội trong SEL.</p>	<p>- Hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).</p> <p>- Trí nhớ làm việc</p>	- 3, 6
	<p>Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên</p>	<p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận)</p>	

76	<p>qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, tranh, ảnh. Đồng cảm với mọi người xung quanh.</p> <p>- Thực hiện được năng lực cảm xúc xã hội trong SEL.</p>	<p>qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.</p> <p>- Đồng cảm với mọi người xung quanh.</p> <p>- Đặt tên cảm xúc, nhìn nhận bản thân tích cực, đồng cảm với người khác.</p> <p>VD: Truyện Bạn mới, Kiến con đi ô tô.</p>	- 1,2,3,7
77	<p>Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</p> <p>- Thực hiện được năng lực cảm xúc xã hội trong SEL.</p>	<p>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.</p> <p>- Đồng cảm với người khác, giải quyết xung đột.</p>	- 2, 3, 4, 5
78	<p>Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</p>	<p>- Dạy trẻ nhận biết được hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ qua tranh ảnh, sách báo, Trẻ Biết kính trọng Bác Hồ.</p> <p>VD: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi.</p>	- 9
79	<p>Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</p>	<p>- Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. (Nhớ ơn Bác; Người cho em tất cả; từ rừng xanh...hoa quanh lăng Bác; ai ngoan sẽ được thưởng...).</p>	- 9
80	<p>Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p>	<p>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước. (Quê Hương Điện Biên)</p>	- 9
81	<p>Trẻ thực hiện tốt một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.</p> <p>- Trẻ khiêm tốn, giản dị, trung thực, trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết</p>	<p>- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường).</p> <p>VD: Trò chuyện một số quy định GT tại địa phương.</p> <p>- Khiêm tốn, giản dị, trung thực, trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết</p>	- 1, 7,8, 9

		VD: Truyện ai ngoan sẽ được thưởng	
82	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - Thực hiện được năng lực cảm xúc xã hội trong SEL.	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. Thưa, dạ, cảm ơn, xin lỗi). - Lòng biết ơn, tôn trọng. VD: Dạy trẻ phân biệt đúng sai	- 1, 3, 7
83	Trẻ chú ý khi nghe cô nói, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác. Không ngắt lời người lớn,	- 1
84	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Biết chấp nhận chờ đến lượt, hợp tác cùng cô, cùng bạn.	- 5,6
85	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi "đúng - sai"; "Tốt - xấu".	- 3 5, 7
86	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. - Thực hiện được năng lực cảm xúc xã hội trong SEL.	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. Con vật. - Hòa hợp với thiên nhiên.	- 5, 6
87	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Bỏ rác đúng nơi quy định. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. VD: Dạy trẻ kỹ năng bảo vệ môi trường và phân loại rác thải	- 1, 2, 8
88	Trẻ không bẻ cành ngắt hoa.	- Không bẻ cành hái hoa.	- 1, 6
89	Trẻ không làm nước tràn khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước. - Không làm nước tràn khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- 3, 8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
90	Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- 1, 2,4
	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc	- Nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát,	- 1, 2, 3, 4, 5, 6,

91	<p>lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe, đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>	<p>bản nhạc. (VD: Inh lả làm cô giáo; Khúc hát ru người mẹ trẻ; Ru con...</p> <p>- Thích nghe, đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ VD: Cái bát xinh xinh; về quê...; bầu ơi thương lấy bí cùng, công cha như núi Thái Sơn</p> <p>- Thích nghe và kể chuyện: Bạn mới, Gấu con bị sâu răng, cáo thỏ gà trống...)</p>	7,8, 9
92	<p>Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.</p> <p>- Thực hiện được năng lực cảm xúc xã hội trong SEL.</p>	<p>- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình (theo quy trình EDP).</p> <p>- Trẻ thể hiện được trạng thái của bức tranh theo cách trẻ nghĩ.</p>	- 2, 6,7
93	<p>Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...</p>	<p>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. VD: Chào hỏi khi về; quê hương tươi đẹp; đêm sao; con mèo ra bờ sông...</p>	- 1, 2,4, 5, 6, 8
94	<p>Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).</p>	<p>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc. VD: Vui đến trường; con đường em yêu; tôi bị ốm; bông hoa mừng cô...</p>	- 2, 3,4 , 5, 6, 7, 9
95	<p>Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.</p>	<p>- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra các sản (theo quy trình EDP).</p>	- 3,6,9
96	<p>Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.</p>	<p>- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. VD: Vẽ người thân trong gia đình; vẽ ngôi nhà của bé; vẽ 1 số đồ dùng đơn giản trong gia đình, Vẽ đồ dùng, dụng cụ nghề dịch</p>	- 3, 4, 5, 6,8

		vụ; vẽ theo ý thích; vẽ đàn cá; vẽ cây xanh; vẽ ô tô tải...	
97	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé, dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. VD: Xé giải giấy (Dán cỏ trên sân trường); Xé, dán hoa mùa xuân; Cắt, dán làm đèn hiệu giao thông đường bộ (theo quy trình EDP).	- 1,4, 6,7,9
98	Trẻ biết làm lồi, lõm, gấp, bẻ, uốn, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. VD: Nặn con gà; nặn một số loại rau, củ, quả theo ý thích...	- 5, 6
99	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét (theo quy trình EDP)	- 2, 7, 9
100	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét (theo quy trình EDP).	- 4, 6, 8, 9
101	Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	- 7, 8, 9
102	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	- 3, 4, 5
103	Trẻ nói lên được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- 3, 4, 8
104	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình (theo quy trình EDP).	- 6, 7, 8, 9
105	Trẻ biết hát một số bài hát đơn giản bằng tiếng anh.	- Hát theo một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. VD: Happy Birthday; Hello song; Goodbye song...	- 2,4, 5,6,7,8,9

V. TRẺ MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	<p>- Hô hấp: Gà gáy, thổi bóng bay, còi tàu...</p> <p>- Tay:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước. + Đưa 2 tay lên cao, sang 2 bên + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân + Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. <p>- Lưng, bụng, lườn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông + Hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái <p>- Chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa chân ra trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa hai chân sang ngang + Nhảy lên, đưa một chân về phía trước, một chân về sau. + Khuyu gối + Nâng cao chân, gập gối + Chân trước, chân sau khuyu gối + Bật tại chỗ + Bật sang bên phải, sang bên trái 	1, 2, 3, 4 5, 6, 7, 8, 9

		+ Bật tiến phía trước, bật lùi phía sau.	
2	Trẻ giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động (đi khuyu gối, đi trên dây; đi trên thể dục ghế có mang vật...).	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên dây (dây đặt trên sàn), - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. 	1, 2, 6
3	Trẻ kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi - Đi trên ván kê dốc - Đi và đập bắt bóng nảy 4 - 5 lần liên tục. - Chạy nhanh 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100 - 120m. 	4, 5, 7, 8, 9
4	Trẻ biết phối hợp tay-mắt, trong các vận động: Đập-bắt - ném, chuyền bóng; ném xa, ném trúng đích...	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Chuyền bóng qua đầu, qua chân - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đập và bắt bóng; Bật xa 50cm - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 1 tay, nhảy lò cò 5m - Ném xa bằng hai tay - Ném xa bằng 1 tay. Chạy nhanh 18m - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay, - Ném trúng đích đứng bằng 2 tay - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay - Ném trúng đích ngang bằng 2 tay 	2, 3, 4 5, 6, 7, 8, 9

		- Ném và bắt bóng bằng hai tay với người đối diện (khoảng cách xa 4m).	
5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo khi thực hiện các bài tập tổng hợp: Bò, trườn, trèo, bật, nhảy...	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m – 5m - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm - Trèo lên xuống 7 giống thang. - Bật liên tục vào vòng - Bật liên tục vào vòng; Ném xa bằng 1 tay. - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu - Bật xa 40- 50cm - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô - Bật qua vật cản 15-20cm - Bật, nhảy từ trên cao xuống 40-45 cm; - Nhảy lò cò 5 m. 	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9
6	Thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bằng bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. 	1, 2, 3, 6, 9
7	<p>Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số; Cắt ; Xếp chồng; Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu; Cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quay dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).</p> <p>- Trẻ phối hợp thực hiện được các cử động của bàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu. 	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9

	<i>tay, ngón tay, phối hợp tay mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ để tạo ra sản phẩm trong các dự án giáo dục STEAM.</i>		
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	<ul style="list-style-type: none"> - Cân nặng: Bé trai 15,9-27,1 kg; bé gái 15,3-27,8 kg. - Chiều cao: Bé trai 106,1-125,8cm; bé gái 104,9-125,4cm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. 	1, 2, 3, 4, 6, 7, 8
9	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá... Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. 	2, 6
10	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. 	2, 3
11	Trẻ biết: Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 	2, 7
12	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: Rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng; Tự thay quần áo khi bị	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. 	1, 2, 4, 9

	uớt, bẩn và để vào đúng nơi quy định; Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
13	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	2, 3, 9
14	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn; Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn; Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	1, 8
15	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy; Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh; Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...Che miệng khi ho, hắt hơi; Đi vệ sinh đúng nơi quy định; Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục một cách phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.	2, 8, 9
16	Trẻ biết (bàn là, biếp điện, bếp lò, vật sắc, nhọn...) là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguyên nhân khi đến gần, khi nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	1, 2, 3, 8
17	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi dậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	- Biết những nơi không an toàn. - Nhận biết và phòng tránh một số thiên tai, biến đổi khí hậu.	2, 8

18	<p>Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc; Không tự ý uống thuốc; Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; Uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. 	3, 6, 9
19	<p>Trẻ nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp "cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu..."; Biết tránh một số trường hợp không an toàn "khi người lạ bế ẵm, cho kẹo nước ngọt rủ đi chơi, ra khỏi nhà, trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.."; Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. 	1, 3, 5, 8
20	<p>Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Sau giờ học về nhà ngay, không tự đi chơi; Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi sau xe máy; Không leo trèo cây, ban công, tường rào.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi sau xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào. 	4, 7
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
21	<p>Trẻ tò mò, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như: Đặt câu hỏi về sự vật,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. 	

	<p>hiện tượng "tại sao có mưa?"...</p> <p>- Trẻ biết trò chuyện về mùa hè và các thứ tự mùa trong năm, đặc điểm nổi bật của từng mùa...Biết chăm sóc, bảo vệ, giữ gìn vệ sinh cá nhân theo mùa...</p> <p>+ Phát triển ngôn ngữ, quan sát, thảo luận khi thực hiện theo dự án STEAM.</p>	<p>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người. Con vật và cây theo mùa.</p> <p>- Dự án STEAM: Mùa hè rực rỡ</p> <p>+ Hoạt động học: Trò chuyện về mùa hè, thứ tự các mùa trong năm (5E).</p>	
22	<p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p> <p>+ Phát triển ngôn ngữ, quan sát, thảo luận, khả năng so sánh, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung. theo dự án STEM.</p> <p>+ Trẻ biết tên, đặc điểm, công việc, trang phục của nghề chăm sóc sức khỏe</p> <p>+Trẻ biết tên gọi, thảo luận về đặc điểm của một số loại quả.</p>	<p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể:</p> <p>+ Một số bộ phận, giác quan trên cơ thể</p> <p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Một số mối liên quan đơn giản giữa đặc điểm với cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và đa dạng của chúng.</p> <p>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- Quá trình phát triển của cây, con; điều kiện sống của một số cây, con vật.</p> <p>- So sánh và phân loại của một số con vật, cây, hoa quả.</p> <p>- Cách bảo vệ và chăm sóc con vật, cây.</p> <p>+ Một số con vật nuôi trong GD (gia súc, gia cầm), Động vật sống trong rừng, dưới nước. Một số con côn trùng, chim.</p> <p>- Dự án STEAM: Bé làm bác sĩ</p> <p>+ Hoạt động học: Trò chuyện về nghề Y</p>	

		<p>- Dự án STEAM: Những bông hoa sắc màu</p> <p>+Hoạt động học: Một số loại hoa (5E).</p> <p>+ Một số cây xanh, hoa, quả</p> <p>+ Mùa hè, thứ tự các mùa trong năm.</p>	
23	<p>Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.</p>	<p>- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.</p> <p>+ Làm đất, gieo các loại hạt đậu, ngô...</p> <p>+ Trồng cây hoa ở góc thiên nhiên: tưới cho cây, không tưới cho cây...</p>	
24	<p>Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng các cách khác nhau và biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau</p> <p>- Trẻ hiểu, biết tên, đặc điểm, tác dụng của 1 số bộ phận trên cơ thể (5E)...</p> <p>- Trẻ biết tên, đặc điểm, lợi ích và biết phân loại 1 số loại quả theo màu sắc, hình dạng, kích thước (5E)...</p> <p>- Trẻ biết các mùa trong năm, đặc điểm mùa hè.</p> <p>+ Phát triển ngôn ngữ, khả năng quan sát, thảo luận, so sánh, sự chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung. theo dự án STEM .</p>	<p>- Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đối tượng như: cây, hoa, quả, con vật</p> <p>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu</p> <p>+ Một số đồ dùng, đồ chơi của lớp</p> <p>+ Một số đồ dùng, phương tiện trong gia đình</p> <p>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật, PTGT theo 2 - 3 dấu hiệu.</p> <p>+ Phân loại động vật</p> <p>+ Phân biệt một số loại cây</p> <p>+ Phân biệt một số loại quả</p> <p>+ Phân biệt một số PTGT</p> <p>- Dự án STEAM: Gia đình yêu thương</p> <p>+ Hoạt động học: Gia đình của bé (5E)</p> <p>- Dự án STEAM: Sự kì diệu của trái cây</p> <p>+ Hoạt động học: Phân loại một số loại quả (5E)</p> <p>- Dự án STEAM: Mùa hè rực rỡ</p>	

		+ <i>Hoạt động học: Trò chuyện về mùa hè, thứ tự các mùa trong năm.</i>	
25	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng VD: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường - Lợi ích của nước đối với đời sống con người, con vật và cây cối - Nguyên nhân ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước. Làm thử nghiệm và sử dụng để quan sát so sánh dự đoán. + Tìm hiểu về nước và sự bốc của nước + Làm các thí nghiệm về chất hòa tan, không hòa tan trong nước... 	
26	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật. 	
27	<p>Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm giống, khác nhau của các đối tượng quan sát.</p> <p>- <i>Bước đầu hình thành và nhận biết được quyền và biết tôn trọng quyền của người khác.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác và giống nhau của con người, động vật, cây, hoa, quả... - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi... - <i>Nhận thức được quyền và bổn phận của trẻ (Với bản thân, với người khác); nhận thức rằng tất cả mọi người đều quan trọng và có quyền đối xử 1 cách tôn trọng.</i> 	

28	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sĩ xây dựng...	
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
29	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Đây là mấy?”...	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...).	3, 7
30	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. + Đếm, nhận biết nhóm có số lượng 5, 6, 7, 8, 9, 10.	1, 2, 3, 5, 6, 8
31	Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. + Ôn nhóm số lượng 1- 5, chữ số 1-5. + Đếm, nhận biết có số lượng 6, 7, 8, 9, 10.	1, 2, 3, 5, 6, 8
32	Trẻ đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng <i>Trẻ đếm từ 1 – 10 bằng Tiếng Anh</i>	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	8, 9
33	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm;.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. + Tách, gộp nhóm có SI 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 thành 2 phần - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	2, 3, 4, 5, 6, 8, 9
34	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	2, 3, 4, 5, 6, 8

		+ Tách, gộp nhóm có SI 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 thành 2 phần.	
35	Trẻ biết quy tắc sắp xếp và biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu, biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc - Nhận ra quy tắc sắp xếp và sao chép lại.	2, 9
36	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Nhận biết mục đích của phép đo - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	7, 9
37	Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối "Cầu - trụ", "vuông- chữ nhật" - Trẻ gọi tên các hình dạng bằng Tiếng Anh.	- Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật. - Nhận dạng 1 số đồ vật trong thực tế có các dạng khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật. - Nhận biết các khối bằng tiếng anh.	3
38	Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (Phía trước- sau; trên - dưới ; phải- trái) so với bản thân trẻ, so với bạn khác.	2, 4
39	Trẻ gọi được tên các thứ trong tuần theo thứ tự; các mùa trong năm.	- Gọi được các thứ trong tuần. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	4
40	Trẻ phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Nhận biết các sự kiện thay đổi hàng ngày.	1
41	Trẻ nói được ngày trên lịch và số giờ trên đồng hồ.	- Nói được ngày trên lịch (đọc ghép số) - Nói được giờ chẵn trên đồng hồ.	8, 9

c) Khám phá xã hội

42	Trẻ nói tên, địa chỉ, mô tả đặc điểm trường, lớp, các hoạt động của cô và trẻ ở trường; Nói tên, công việc của các cô bác trong trường khi hỏi, trò chuyện	<ul style="list-style-type: none"> - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp, công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường. 	1
43	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. 	2
44	<p>Tên, tuổi, công việc của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh về gia đình; Biết nói được địa chỉ gia đình (số nhà, phố, phường), số điện thoại;</p> <p>- Trẻ biết kể tên bố mẹ, số nhà bằng Tiếng Anh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình. - Quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình. - Vị trí của trẻ trong gia đình. + Gia đình của bé - Làm quen với tiếng anh: + Các từ chỉ tên bố mẹ. + Số đếm: Số nhà, đếm các thành viên trong gia đình. 	3
45	Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Trò chuyện về nghề xây dựng + Tìm hiểu về 1 số nghề sản xuất + Trò chuyện về nghề y + Trò chuyện về giúp đỡ cộng đồng - Tham quan 1 số nghề phổ biến gần nơi trẻ sống. 	4
46	Trẻ kể tên một số lễ hội và nói hoạt động nổi bật của những ngày lễ hội; danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. + Ngày hội đến trường của bé 	1, 2, 3 5, 6, 9

		<ul style="list-style-type: none"> + Ngày tết trung thu của bé + Ngày hội 20/11 + Ngày tết cổ truyền dân tộc + Ngày hội 8/3 + Hát quốc ca 	
47	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử ở địa phương của quê hương, đất nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. + Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. + Trò chuyện về quê hương Điện Biên + Tham quan một số di tích lịch sử ở địa phương. 	9
48	Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng anh: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè... - Làm quen với tiếng anh: <ul style="list-style-type: none"> + Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi... + Các từ chỉ hành động, khuôn mặt, màu sắc, số đếm 1, 2, 3... + Các từ chỉ các phòng trong nhà bé, cảm xúc của bé... + Các từ chỉ một số nghề gần gũi + Các từ chỉ một số con vật quen thuộc + Các từ chỉ một số loại hoa, quả... + Các từ chỉ một số PTGT, biển báo GT... + Các từ chỉ thời tiết mùa hè, một số hoạt động trong mùa hè... + Các từ chỉ một số địa danh ở Điện Biên... 	1, 2, 3, 4 5, 6, 7, 8, 9

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

49	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. <i>Trẻ biết thực hiện các yêu cầu trong các dự án STEM/STEAM.</i>	- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp.	1, 2, 4, 5, 6, 8
50	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: PTGT, Động vật, Thực vật, đồ dùng...	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1, 3, 5, 6
51	Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	2, 4, 7
b) Nói			
52	Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Kể lại sự việc theo trình tự.	2, 3, 5, 7
53	Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	8, 9
54	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Đặt câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?	5, 8
55	Trẻ miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu. - Trả lời câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau?	4, 9
56	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

		+ Thơ: Cô dạy, Bàn tay cô giáo; Làm anh; Hạt gạo làng ta; Mèo đi câu cá; Hoa cúc vàng, Cây dừa, đèn giao thông, Mùa hạ tuyết vời, Đèn giao thông... + Dung dăng, dung dẻ; Nu na nu nường; Tay đẹp; Gánh gánh, gông gông; Rềnh rềnh...Làng chim + Công cha...Chim trời ai...	
57	Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự: + Chú dê đen + Gấu con bị sâu răng + Ba cô gái + Vì sao thỏ cụt đuôi - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh .	2, 3, 5, 7
58	Trẻ đóng vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch: Ba cô gái, Vì sao thỏ cụt đuôi.	3, 7
59	Trẻ sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng..phù hợp với tình huống và điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	1, 4, 9
60	<i>Trẻ nói được tiếng anh khi người lớn yêu cầu.</i>	<i>- Nói tiếng anh tên chỉ trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	1, 2, 3, 4 5, 6, 7, 8, 9
c) Làm quen với việc đọc-viết			
61	Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem; Biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	- Làm quen với cách đọc tiếng việt: Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. - Thích tham gia vào hoạt động nghe cô đọc sách, hỏi người lớn	1, 6, 8, 9

		<p>hoặc bạn bè những chữ chưa biết.</p> <p>- Làm quen với cách đọc tiếng việt.</p> <p>+ Hướng đọc viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>+ Đọc, ngắt nghỉ sau các dấu.</p> <p>- Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách.</p>	
62	<p>Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.</p> <p><i>Trẻ nói được các từ tiếng anh được làm quen trong tranh, ảnh, sách.</i></p>	<p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Giữ gìn bảo vệ sách.</p> <p>- <i>Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng tiếng Anh được làm quen.</i></p>	5, 7
63	<p>Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, cấm lửa, biển báo giao thông...</p> <p>- <i>Trẻ nhận ra ký hiệu: nhà vệ sinh, biển báo giao thông... bằng tiếng Anh thông thường.</i></p>	<p>- Làm quen với các ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, các biển báo giao thông...)</p> <p>- <i>Trẻ làm quen với 1-5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường: (Nhà vệ sinh, lối ra, vào nơi nguy hiểm, các biển báo giao thông...).</i></p>	1, 8
64	Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt	<p>- Nhận dạng các chữ cái: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; v-r; g-y; s,x</p>	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
65	<p>Trẻ tô, đồ nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.</p> <p>- <i>Trẻ tô màu một số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc.</i></p>	<p>- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.</p> <p>- Làm quen cách viết tiếng Việt: Hướng viết của các nét chữ; Viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p>	1, 2, 3, 4 5, 6, 7, 8, 9

		+ Tập tô các chữ cái: o-ô-ơ; a-ă-â; e-ê; u-u; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; v-r; g-y; + Tập tô màu một số nét, chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc.	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
66	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; Sở thích, khả năng của bản thân; Sở thích của các thành viên trong gia đình. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	3
67	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	2, 4, 5
68	Trẻ nói được mình điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình và người khác. - Giới tính - bình đẳng giới	2
69	Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.	- Vị trí, trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	3
70	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình và mọi người xung quanh	3
71	Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày.	- Tự giác thực hiện công việc đơn giản hàng ngày mà không chờ nhắc nhở.	1, 3, 6
72	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi..) - Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động.	1, 2, 9
73	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói tranh ảnh, âm nhạc.	1, 2, 5

		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi (đúng-sai, tốt-xấu..).	
74	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	7, 9
75	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.	3, 4, 6, 7
76	Trẻ nhận ra hình ảnh của Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động; Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác.	- Bác Hồ kính yêu + Ngày tết trung thu + Xem tranh ảnh, băng đĩa, phim về Bác; Bác Hồ với các cháu thiếu niên nhi đồng + Nghe và đọc các bài hát, bài thơ, câu truyện về Bác Hồ.	1,9
77	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: Ngày tết trung thu, Ngày 20/11, ngày 22/12, ngày 8/3, ngày Tết cổ truyền dân tộc, di tích trên quê hương Điện Biên	2, 3 4, 5, 6, 9
78	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đ/c vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng + Để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định + Trật tự khi ăn, khi ngủ, + Đi bên phải lề đường.	1, 3, 7
79	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng"- "sai", "tốt"- "xấu".	1, 4, 6, 8
80	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời.	- Lắng nghe ý kiến của người khác.	7, 8
81	Trẻ biết chờ đến lượt;	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn	2, 4, 5

82	<p>Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn</p> <p><i>Trẻ biết trao đổi, thảo luận hợp tác với bạn để thực hiện và hoàn thành trong các dự án giáo dục STEM/STEAM.</i></p>	<p>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của mình với mọi người.</p>	2, 5, 6, 8, 9
83	<p>Trẻ biết cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận, nhường nhịn).</p> <p>- <i>Quyền con người: Trẻ biết cách hợp tác, chia sẻ, lắng nghe và thể hiện quan tâm đến người khác.</i></p>	<p>- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận</p> <p>- <i>Hành vi ứng xử phù hợp trong tương tác với người khác (Lắng nghe, chờ đến lượt, tôn trọng, hợp tác, chấp nhận).</i></p> <p>- <i>Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i></p>	3, 8, 9
84	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5, 6
85	Trẻ biết bỏ rác vào đúng nơi quy định.	- Bỏ rác đúng nơi quy định.	1, 5, 6, 7, 8
86	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	5, 8, 9
87	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khỏi vòi nước sau khi dùng, không để thừa th/ăn.	- Tiết kiệm điện, nước.	4, 7, 8
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
88	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.	<p>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, tác phẩm nghệ thuật.</p>	2, 5, 7

		- Nghe các âm thanh gọi cảm, bài hát, bản nhạc(thiếu nhi, dân ca, cổ điển).	
89	Trẻ chăm chú ý lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện.	<p>- Nghe các âm thanh gọi cảm, bài hát, bản nhạc (thiếu nhi, dân ca, cổ điển).</p> <p>- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.</p> <p>+ Ngày vui của bé; Chào ngày mới; Những khúc nhạc hồng; Ánh trăng hòa bình; Ngày đầu tiên đi học; Bàn tay cô giáo; Năm ngón tay ngoan.</p> <p>+ Ru con; Thật đáng chê; Tổ ấm gia đình; ba ngọn nến lung linh; Bàn tay mẹ; Cháu yêu cô thợ dệt.</p> <p>+ Em đi giữa biển vàng; Màu áo chú bộ đội.</p> <p>+ Gà gáy le te; Chú mèo con; Xuân đã về; Tôm cua cá thi tài; Ta đi vào rừng xanh; Chị ong nâu và em bé.</p> <p>+ Cây trúc xinh; Lý cây bông; Bông hoa mừng cô; Bầu và bí; Đuối chim; Em đi qua ngã tư đường phố; Mưa rơi; Điệu xòe</p> <p>+ Từ rừng xanh cháu về...lăng Bác; Trường em.</p>	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
90	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục..) của các tác phẩm tạo hình.	<p>- Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>- Xem băng hình cảnh đẹp về thiên nhiên, quê hương, đất nước.</p>	4, 6

91	<p>Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...</p> <p>- Trẻ hát theo, hát được một số bài hát tiếng Anh quen thuộc với lứa tuổi.</p>	<p>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát trong chương trình GDMN phù hợp với độ tuổi</p> <p>+Chào ngày mới; Gà gáy vang dậy bạn ơi</p> <p>+ Đàn gà con, Chú voi con ở bản Đôn,</p> <p>+ Bầu và bí, Chú ếch con, Quê hương tươi đẹp, Cho con, bố là tất cả, cô giáo miền xuôi, bàn tay mẹ...</p> <p>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm một số bài hát tiếng anh:</p> <p>+Helo, helo</p> <p>+ Head shouders knees & toes</p> <p>+ One little Finger</p> <p>+ A ram sam sam</p> <p>+ Tooly ta</p> <p>+ if you're happy</p> <p>+ walking walking</p> <p>+ Good bye</p>	2, 3, 5, 6
92	<p>Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).</p> <p>- Trẻ vận động theo nhạc 1 số bài hát tiếng Anh quen thuộc.</p>	<p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.</p> <p>+ Đem trung thu; Ngày vui của bé; Chào ngày mới.</p> <p>+ Múa cho mẹ xem; Khuôn mặt cười; Vì sao con mèo rửa mặt; Gà gáy vang dậy bạn ơi.</p> <p>+ Cho con; Bố là tất cả; Cô giáo miền xuôi; Bàn tay mẹ.</p> <p>+ Cháu yêu cô chú công nhân; Lớn lên cháu lái máy cày; Cháu thương chú bộ đội.</p> <p>+ Đàn gà con; Thương con mèo; Em thêm một tuổi; Chú voi ở bản Đôn; Chú ếch con; Con chim vành khuyên.</p>	1, 2, 3, 4 5, 6, 7, 8, 9

		<p>+ Lá xanh; Ngày vui 8/3; Hoa trường em; Bầu và bí; Quả gì?</p> <p>+ Em đi qua ngã tư đường phố; Nhớ lời cô dặn.</p> <p>+ Đếm sao</p> <p>+ Quê hương tươi đẹp; Nhớ ơn Bác; Cháu vẫn nhớ trường mầm non.</p> <p>- Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu các bài hát:</p> <p>+ <i>Helo, helo</i></p> <p>+ <i>Head shouders knees & toes</i></p> <p>+ <i>One little Finger</i></p> <p>+ <i>A ram sam sam</i></p> <p>+ <i>Tooly ta</i></p> <p>+ <i>if you're happy</i></p> <p>+ <i>Walking walking</i></p> <p>+ <i>Good bye</i></p>	
93	<p>Trẻ phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.</p> <p>- Trẻ biết quan sát, lắng nghe, tìm kiếm, thu thập xử lý thông tin khi thực hiện dự án STEAM theo sự gợi ý.</p> <p>- Trẻ có kỹ năng làm việc theo nhóm: Thảo luận, hợp tác, chấp nhận, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung theo dự án STEAM.</p>	<p>- Lựa chọn phối hợp các nguyên liệu tạo hình vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.</p> <p>- Dự án STEAM: Mùa hè rực rỡ (EDP)</p> <p>+ Hoạt động học: Dự án STEAM: Chong chóng sắc màu</p> <p>Làm đồ chơi chong chóng bằng nguyên vật liệu như: Giấy, que tre, keo dán....</p> <p>Đặc điểm cấu tạo, nguyên lý hoạt động của chong chóng...Cách sắp xếp giữa các cánh cân đối, hài hòa và thực hiện được các kỹ năng xếp, dán... để tạo ra sản phẩm sinh động, hấp dẫn.</p>	1, 3, 6, 8, 9
94	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích	1, 2, 4; 5; 8

	màu sắc hài hòa và bố cục cân đối.	thước, hình dáng đường nét và bố cục. + Vẽ đồ chơi trong lớp; Vẽ vườn cây ăn quả. + Vẽ con gà trống + Vẽ trang phục, dụng cụ nghề y	
95	<p>Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.</p> <p>- Trẻ biết quan sát, lắng nghe, tìm kiếm, thu thập xử lý thông tin khi thực hiện dự án STEAM theo sự gợi ý.</p> <p>- Trẻ có kỹ năng làm việc theo nhóm: Thảo luận, hợp tác, chấp nhận, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung theo dự án STEAM.</p>	<p>- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.</p> <p>+ Cắt, dán đồ dùng đồ chơi Tết trung thu</p> <p>+ Cắt, dán đồ dùng, phương tiện gia đình trong họa báo</p> <p>+ Xé, dán hoa tặng cô</p> <p>+ Xé dán đàn cá bơi</p> <p>+ Cắt, dán hoa tặng bà, mẹ...</p> <p>+ Xé, dán vườn cây ăn quả</p> <p>+ Cắt dán ô tô chở khách</p> <p>+ Cắt, dán dây xúc xích trang trí ảnh Bác</p> <p>- Dự án STEAM: Những bông hoa sắc màu (EDP)</p> <p>+ Hoạt động học: Tạo hình hoa từ các NVL khác nhau</p> <p>Cắt giấy, sắp xếp, tạo hình, dán cân đối, hài hòa giữa các bộ phận và thực hiện được các kỹ năng để tạo ra sản phẩm.</p>	1, 3, 4, 5, 6, 7, 9
96	Trẻ phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	<p>- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.</p> <p>+ Nặn đồ chơi bé thích</p> <p>+ Nặn các loại bánh</p> <p>+ Nặn các loại quả</p> <p>+ Nặn quà tặng chú bộ đội</p> <p>+ Nặn con vật sống trong rừng</p> <p>+ Nặn hoa mùa xuân</p>	2, 3, 4, 5,6

97	<p>Trẻ phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.</p> <p>- Trẻ biết quan sát, lắng nghe, tìm kiếm, thu thập xử lý thông tin khi thực hiện dự án STEAM theo sự gợi ý.</p> <p>- Trẻ có kĩ năng làm việc theo nhóm: Thảo luận, hợp tác, chấp nhận, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung theo dự án STEAM.</p>	<p>- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục</p> <p>- Dự án STEAM: Gia đình yêu thương</p> <p>+ Hoạt động học: Làm cây gia đình (EDP)</p> <p>Làm cây gia đình bằng nguyên vật liệu từ thiên nhiên: Bìa carton, xốp bitis, que kem, lõi giấy, cành cây, ...</p> <p>Cách tạo hình, sắp xếp cân đối, hài hòa giữa các chi tiết và thực hiện được các kĩ năng cắt, gắn nối, dán, ... để tạo ra sản phẩm.</p> <p>- Dự án STEAM: Bé làm bác sĩ</p> <p>+ Hoạt động học: Làm đồ dùng bác sĩ (EDP): Làm đồ dùng bác sĩ bằng ống hút, nắp chai, dây chun, chai nhựa, giấy màu, ...</p> <p>Biết gấp, tạo hình, sắp xếp cân đối, hài hòa giữa phần và biết gắn, nối tạo thành sản phẩm</p>	2, 3, 4; 5, 6, 7; 9
98	<p>Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.</p>	1, 5, 6, 7
99	<p>Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát theo ý thích</p> <p>- Trẻ phát triển được khả năng tự chủ và sáng tạo (Quyền con người)</p>	<p>- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.</p> <p>- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (1 câu hoặc một đoạn)</p> <p>- Sự tự do và sáng tạo của mỗi trẻ khi tham gia vào hoạt động thẩm mỹ được xuất phát từ sở thích và sáng kiến của riêng trẻ mà không bị ai cản trở hoặc can thiệp.</p>	3, 8

100	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	8, 9
101	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình của mình.	8, 9
102	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	1, 5, 7, 9

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2026-2027 trong toàn trường. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; chỉ đạo các tổ chuyên môn, các điểm trường xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế.

- Bảo đảm các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, kinh phí và môi trường giáo dục để thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình; kịp thời chỉ đạo điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Phó Hiệu trưởng

- Giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện kế hoạch theo lĩnh vực được phân công. Hướng dẫn các tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng độ tuổi, nhóm lớp và đặc điểm của trẻ.

- Chỉ đạo thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tai nạn thương tích và bảo đảm an toàn cho trẻ.

- Tổ chức chuyên đề, dự giờ, kiểm tra, tư vấn và hỗ trợ giáo viên trong quá trình thực hiện. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu cho Hiệu trưởng điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

3. Tổ chuyên môn

- Căn cứ kế hoạch của nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục theo từng độ tuổi.

- Thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; chú trọng giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, hoạt động trải nghiệm, STEM/STEAM, quy trình 5E, EDP và phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ giáo viên, nhất là giáo viên dạy lớp ghép và giáo viên còn hạn chế về chuyên môn, công nghệ thông tin. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn đảm bảo hiệu quả, đa dạng hình thức sinh hoạt.

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ; báo cáo kết quả với Ban Giám hiệu.

4. Giáo viên

- Nghiên cứu chương trình, kế hoạch giáo dục nhà trường và đặc điểm của nhóm, lớp để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp. Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng mục tiêu, nội dung và yêu cầu của từng độ tuổi; bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ.

- Quan tâm đến sự khác biệt của từng trẻ; thực hiện theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ thường xuyên, khách quan và phù hợp. Chủ động khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm.

- Phối hợp thường xuyên với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, rèn nề nếp, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp và bảo đảm an toàn cho trẻ. Tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên, sinh hoạt tổ và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

5. Nhân viên

- Nhân viên nuôi dưỡng thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, bảo quản, chế biến và tổ chức ăn cho trẻ; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, khẩu phần ăn và chế độ dinh dưỡng theo quy định.

- Nhân viên y tế theo dõi sức khỏe, tình trạng dinh dưỡng của trẻ; thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, sơ cấp cứu ban đầu và tuyên truyền chăm sóc sức khỏe.

- Nhân viên văn phòng, kế toán, bảo vệ và các nhân viên khác thực hiện nhiệm vụ theo phân công; phối hợp bảo đảm cơ sở vật chất, an ninh, trật tự, phòng cháy chữa cháy và an toàn tại các điểm trường.

6. Cha mẹ trẻ và các tổ chức

- Phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bảo đảm an toàn cho trẻ. Thực hiện đầy đủ các nội dung trao đổi với giáo viên về tình hình sức khỏe, tâm lý, thói quen và sự phát triển của trẻ. Phối hợp rèn luyện cho trẻ nề nếp, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp, ý thức giữ gìn vệ sinh và bảo vệ bản thân.

- Tham gia các hoạt động của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và hiệu quả.

7. Chế độ kiểm tra, báo cáo

Các tổ chuyên môn, nhóm lớp và các bộ phận thực hiện báo cáo tình hình, kết quả thực hiện theo học kỳ và cuối năm học. Ban Giám hiệu tổ chức kiểm tra

thường xuyên, kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra đột xuất việc thực hiện kế hoạch tại các nhóm, lớp; tại các Phân hiệu và điểm trường.

Trên đây là Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học, Trường mầm non yêu cầu Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên trong nhà trường triển khai thực hiện hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc 2026-2027, các tổ, bộ phận và giáo viên kịp thời báo cáo Ban Giám hiệu để được hướng dẫn, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Hồ sơ công việc;
- Ban giám hiệu (để th/h);
- Các tổ CM, tổ VP (để th/h);
- Các nhóm/lớp (để th/h);
- Lưu: VT, CM.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Hải Yến